

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HS-PT

Ngày: 10 / 6 / 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Việt và ông Trần Đức Long.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đặng Xuân Thủy, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLPT-HS ngày 23/3/2020 do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

**1. Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Văn T; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1966 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá biển; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ Nguyễn Thị L và 03 đứa con (lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giam giữ ngày nào, hiện tại ngoại có mặt có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị cáo bị kháng cáo:** Nguyễn Thị L; sinh ngày 27 tháng 10 năm 1966 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá biển; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V (chết) và bà Nguyễn Thị Ph; có 03 đứa con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giam giữ ngày nào, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948; Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị B sống cùng nhà với con trai là Nguyễn Văn T và con dâu Nguyễn Thị L. Ngày 09/4/2019 bà B đi làm thuê tại thành phố ĐN nên T nói với L "mở thùng của mẹ coi có tài sản chi không, mượn để đóng tồn đi biển", L đồng ý. T lấy 01 chìa khóa có sẵn mở khóa thùng inox nhưng không mở được, L lại gần tiếp tục dùng chiếc chìa khóa trên vặn một lúc thì mở được. T và L lục tìm bên trong thùng thì thấy 01 hộp nhựa màu trắng nhỏ, bên trong có 11 nhẫn vàng 9999 (loại 1 chỉ) và 1.500.000 đồng. T và L lấy trộm toàn bộ số tài sản trên và để lại 01 đôi bông tai bằng vàng 9999; L đem 11 chỉ vàng 9999 vào thành phố Đ bán lấy 34.000.000 đồng, đem tượng vàng 9999 đến bán cho tiệm vàng V ở xã H lấy 3.600.000 đồng. Tất cả số tiền trên L dùng mua vật liệu để T đi biển hết. Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐ ĐGTS ngày 22/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình xác định: 11 chỉ vàng 9999 trị giá 40.400.000 đồng; 01 tượng vàng 9999 trong lượng 01 chỉ giữa có màu xanh, không xác định loại ngọc trị giá 3.640.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà L và T chiếm đoạt của bà B là 45.180.000 đồng. Quá trình điều tra T và L đã bồi thường cho bà B số tiền 2.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 02/CT - VKSBT ngày 31/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch đã quyết định: Tuyên bố Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L phạm tội Trộm cắp tài sản;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo; đối với bị cáo L áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự*

*Xử phạt: - Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án;*

*- Nguyễn Thị L 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/02/2020). Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo L trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.*

*Về vật chứng: Cơ quan điều tra công an huyện Bồ Trạch tiến hành truy tìm vật chứng là ổ khóa Việt Tiệp màu đen, kích thước 5x4 cm và chìa khóa của ổ khóa trên tại nhà L nhưng không có nên không xem xét.*

*Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc hai bị cáo T và L liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 45.180.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền đã bồi thường*

2.000.000 đồng, phải bồi thường tiếp cho bà B số tiền 43.180.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường tiếp số tiền 21.590.000 đồng.

Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.079.5000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo đối với các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 27/02/2020 bị cáo Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 28/02/2020 bị hại bà Nguyễn Thị B kháng cáo đề nghị cho bị cáo T hưởng án treo và không đồng ý việc bị cáo L được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B, sửa bản án sơ thẩm nhưng giữ nguyên mức hình phạt 12 tháng tù đối với bị cáo T và bị cáo L và cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B làm trong hạn luật định nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét vai trò thực hiện và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi, nhưng các bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên cần phải xét xử nghiêm mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung về loại tội phạm này. Bị cáo cùng với vợ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có dấu hiệu có tổ chức mà đồng phạm giản đơn, trong vụ án này các bị cáo thực hiện với vai trò và mức độ ngang nhau nên án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo với mức án ngang nhau là phù hợp.

Các bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: đã tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố các bị cáo là người có công được nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, các bị cáo không có trình độ văn hóa nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã bồi thường một khoản tiền cho bị hại với số tiền 5.000.000 đồng hai bên đã giao nhận tiền tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đề nghị Tòa án xem xét lại hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật, hơn nữa các bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng được UBND xã Đ xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đề nghị cho bị cáo T hưởng án treo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với bị cáo L. Từ nhận định trên cần sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt, cho bị cáo T được hưởng án treo, giữ nguyên phần quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo L.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T, bị cáo L và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Nguyễn Thị B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (10/6/2020).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/02/2020).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Thị L và bị hại Nguyễn Thị B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/6/2020).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS h.Bố Trạch;
- Công an h. Bố Trạch;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT I -TANDTC;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thái Sơn**